TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2025/HC-PT
Ngày: 11/9/2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đầu tư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét* xử phúc *thẩm* gồm *có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 882/2023/TLPT-HC ngày 17/11/2023, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đầu tư".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 734/2025/QĐ-PT ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty Cổ phần S; Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận - nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1964 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: B Đường B, phường V, thành phố N - nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích *hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Lê Văn K, là Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh B

Người kế *thừa quyền* và *nghĩa vụ tố tụng:* Ủy ban nhân dân tỉnh L; Địa chỉ: D T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại *diện theo pháp luật:* Ông Hồ Văn M, Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng Y, Chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết N1, Cộng tác viên Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh L (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Sở Tài chính tỉnh L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thế H, Chức vụ: Giám đốc (có văn bản xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức T1, Chức vụ: Phó Giám đốc (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Lê Phương K1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Hợp tác đầu tư (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần S là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/4/2017, Công ty Cổ phần S (gọi tắt Công ty S) được UBND tỉnh B cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 860/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 (viết tắt là Quyết định số 860) thực hiện dự án trồng cây ngắn ngày và chăn nuôi bò sữa, bò thịt công nghệ cao với quy mô diện tích khoảng 479 ha (gọi tắt là Dự án).

Từ tháng 04/2019, Công ty S nhiều lần nộp hồ sơ xin điều chỉnh giảm diện tích và giảm vốn đầu tư đối với dự án. Lý do là trong diện tích 479 ha của Dự án, Công ty S chỉ thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng phần diện tích 368 ha của Công ty TNHH MTV L1, còn lại 111 ha đất của người dân không chịu nhận đền bù mặc dù Công ty S đã nhiều lần thỏa thuận.

Ngày 08/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B (gọi tắt Sở KH&ĐT) có Công văn số 5124/SKHĐT-HTĐT đề nghị về việc báo cáo xử lý Dự án.

Ngày 22/10/2021, UBND tỉnh B có Công văn số 4003/UBND-KT trình bày ý kiến đồng ý chủ trương chấm dứt hoạt động Dự án của Công ty S (viết tắt là Công văn số 4003).

Xét thấy Công văn 4003 nêu ý kiến đồng ý chủ trương chấm dứt hoạt động Dự án với 03 lý do, tuy nhiên việc áp dụng các lý do này là không đủ và không đúng theo quy định pháp luật, mặt khác Công văn đã vi phạm về thẩm quyền ban hành dẫn đến hậu quả xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S.

Do đó, Công ty khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy bỏ toàn bộ Công văn số 4003.

Theo văn bản số 2374/UBND-NCKSTTHC ngày 03/7/2023, người bị kiện UBND tỉnh B trình bày:

Tháng 12/2015, Công ty TNHH S nộp hồ sơ đề nghị thực hiện dự án Trồng cây ngắn ngày và chăn nuôi bò sữa, bò thịt công nghệ cao tại xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận với diện tích đất khoảng 479ha. Ngày 20/01/2017, UBND tỉnh có Công văn số 257/UBND-KT đồng ý chủ trương chuyển đổi pháp nhân thực hiện thủ tục đầu tư dự án từ Công ty TNHH S sang Công ty Cổ phần S.

Căn cứ vào ý kiến của các Sở, ngành, địa phương và Tờ trình số 1064/TTr-SKHĐT ngày 22/3/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B (gọi tắt Sở KH&ĐT), ngày 03/4/2017, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 860 cho Công ty S để thực hiện dự án trồng cây ngắn ngày và chăn nuôi bò sữa, bò thịt công nghệ cao tại xã S, huyện B với diện tích đất khoảng 479ha, tổng vốn đầu tư 2.538,6 tỷ đồng, tiến độ thực hiện đến tháng 06/2019 đưa dự án đi vào hoạt động.

Ngày 19/5/2017, Sở KH&ĐT có Công văn số 1877/SKHĐT-HTĐT đề nghị Công ty S ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án với số tiền 19.193.008.120 đồng, nhưng đến hết tháng 09/2021, Công ty S vẫn không ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Quá trình thực hiện dự án, Công ty S chưa thực hiện thủ tục đất đai và còn để người dân lấn chiếm, tranh chấp trên phần diện tích 368 ha nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV L1. Phần diện tích 111ha còn lại, chủ đầu tư không thể thoả thuận với người dân. Ngoài ra, Công ty S cho rằng điều kiện khí hậu thổ nhưỡng tại khu vực Dự án không thuận lợi dẫn đến năng suất cỏ, bắp không đảm bảo nhu cầu thức ăn cho tổng đàn bò với quy mô ban đầu nên ngày 02/12/2019, Công ty S đã lập hồ sơ điều chỉnh dự án với nội dung đề nghị điều chỉnh giảm diện tích (từ 479 ha xuống 368 ha, giảm 23,2%), quy mô công suất (từ 23.600 con bò xuống còn 3.000 con, giảm 87,3%), tiến độ triển khai (đưa hoạt động vào tháng 6/2020), tổng mức đầu tư (từ 2.538 tỷ đồng xuống 312,6 tỷ đồng, giảm 87,7%). Đồng thời, Sở KH&ĐT nhận được Công văn số 04/CPS-2020 ngày 25/02/2020 của Công ty S đề nghị cho phép chuyển đổi một phần diện tích dự án từ chăn nuôi bò sang chăn nuôi heo nhằm lấy phân cải tạo đất trồng cỏ. Sở KH&ĐT đã có Công văn số 6462/SKHĐT-HTĐT ngày

20/12/2019 và Công văn số 965/SKHĐT-HTĐT ngày 13/03/2020 phúc đáp cho Công ty S được biết việc chuyển đổi một phần diện tích từ chăn nuôi bò sang chăn nuôi heo là không phù hợp với chủ trương của UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, Sở KH-ĐT đã có nhiều Công văn yêu cầu Công ty S thực hiện hồ sơ thủ tục để triển khai dự án, thực hiện ký quỹ nhưng Công ty S vẫn không thực hiện.

Đối với hồ sơ xin điều chỉnh Dự án, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở KH&ĐT đã lấy ý kiến của các Sở, ngành liên quan và ngày 03/6/2021, Sở KH&ĐT có Công văn số 2950/SKHĐT-HTĐT (viết tắt là Công văn số 2950) phúc đáp hồ sơ điều chỉnh Dự án của Công ty S không đủ điều kiện để Sở KH&ĐT báo cáo UBND tỉnh xem xét.

Ngày 29/6/2021, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 148/TC-UBND giao Sở KH&ĐT chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở T2, UBND huyện B và các cơ quan có liên quan kiểm tra lại thực tế hiện trạng Dự án; nếu Công ty S chưa đầu tư thì đề xuất, tham mưu UBND tỉnh chấm dứt hoạt động dự án.

Qua ý kiến của các Sở, ngành và UBND huyện B, ngày 08/10/2021 Sở KH&ĐT có Công văn số 5124/SKHĐT-HTĐT báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 22/10/2021, Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 4003/UBND-KT đồng ý chủ trương chấm dứt hoạt động Dự án của Công ty S.

Sau khi nhận được chủ trương của UBND tỉnh về việc chấm dứt hoạt động dự án, Công ty S đã có nhiều văn bản kiến nghị được tiếp tục thực hiện Dự án, qua rà soát, các kiến nghị của Công ty S không có gì mới, Công ty đề nghị điều chỉnh Dự án nhưng không chứng minh được tính khả thi của Dự án cũng như năng lực thực hiện, do đó, Sở KH&ĐT đã báo cáo UBND tỉnh. Ngày 13/9/2022, UBND tỉnh có Công văn số 3024/UBND-KT về việc không xem xét lại việc thu hồi dự án. Trên cơ sở đó, Sở KH&ĐT đã ban hành Quyết định số 388/QĐ-SKHĐT ngày 22/9/2022 chấm dứt hoạt động của Dự án (viết tắt là Quyết định số 388).

Đối với nội dung khiếu kiện về thể thức văn bản của UBND tỉnh là có cơ sở. Căn cứ khoản 4 Điều 57 Luật Tố tụng hành chính, ngày 06/9/2023 UBND tỉnh B có Công văn số 3347/UBND-KT về việc đính chính Công văn số 4003/UBND-KT ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh B, nay bổ sung nội dung " TM. ỦY BAN NHÂN DÂN", vào phía trên chức vụ của người ký "CHỦ TỊCH".

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận, ông Lê Phương K1 trình bày: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B thống nhất với ý kiến của UBND tỉnh đã được nêu tại Văn bản số 2374/UBND-NCKSTTHC ngày 03/7/2023, không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa

án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2, khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 38, Điều 42, Điều 43, Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ vào Điều 26 và Điều 39 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

B yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, về việc: Hủy bỏ toàn bộ Công văn số 4003/UBND-KT ngày 22/10/2021 và Công văn số 3347/UBND-KT về việc đính chính Công văn số 4003/UBND-KT ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh B về việc dự án trồng cây ngắn ngày và chăn nuôi bò sữa, bò thịt công nghệ cao (479 ha) tại xã S, huyện B của Công ty Cổ phần S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trương Hữu T là người đại diện hợp pháp của Công ty S không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Luật sư Lê Văn K:

- Về thủ tục tố tụng: Công văn số 4003 chỉ là văn bản chấp thuận về chủ trương chấm dứt Dự án nhưng không phải là quyết định để chấm dứt Dự án. Quyết định số 388 mới là quyết định chấm dứt Dự án, là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Công ty S đã khởi kiện cả 02 quyết định nêu trên. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chỉ xét xử đối với Công văn số 4003 là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về nội dung của Công văn số 4003:

Công ty S đã triển khai thực hiện Dự án, cụ thể năm 2021 đã bồi thường cho Công ty L1 hơn 12 tỷ đồng cho 360 ha đất, trồng cỏ 100 ha; do dịch Covid kéo dài và có hơn 100 ha do người dân lấn chiếm và bị ảnh hưởng bởi dự án điện mặt trời nên không thoả thuận bồi thường được, nên Công ty S mới có văn bản xin điều chỉnh quy mô của Dự án. Công văn số 4003 cho rằng Công ty S không triển khai thực hiện Dự án là không đúng.

Số tiền hơn 12 tỷ đồng mà Công ty S bồi thường cho Công ty L1 là số tiền mà Công ty đã ứng trước để bồi thường, nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư buộc Công ty S

phải nộp ký quỹ hơn 19 tỷ đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Thực tế là UBND tỉnh B chưa có quyết định thu hồi đất, quyết định giao đất nhưng do UBND huyện B đã đồng ý giao đất nên Công ty mới triển khai việc trồng cỏ. Do đó, Công văn số 4003 cho rằng Công ty S vi phạm pháp luật đất đai là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty S, huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

2. Ông Trương Hữu T: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của Luật sư K.

3. Ông Lê Phương K1 và Luật sư Nguyễn Thị Tuyết N1:

Công văn số 4003 và Quyết định số 388 là liên quan với nhau; mặc dù phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên huỷ Quyết định số 388, nhưng phần nhận định đã đề cập. Do đó, bản án sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung Công văn số 4003: Ông K1 và Luật sư N1 xin bảo lưu toàn bộ các căn cứ đã trình bày tại cấp sơ thẩm và được bản án sơ thẩm ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử *phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:*

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty S làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Công ty S đã vi phạm tiến độ thực hiện Dự án, không ký quỹ đầu tư theo quy định và có vi phạm pháp luật đất đai nên Công văn số 4003 đồng ý chấm dứt chủ trương đầu tư Dự án là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty S làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: UBND tỉnh L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND tỉnh B, tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện; Sở Tài chính tỉnh L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt UBND tỉnh L và Sở Tài chính tỉnh L theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công văn số 4003/UBND-KT của UBND tỉnh B ban hành ngày 22/10/2021 có nội dung đồng ý chủ trương chấm dứt Dự án của Công ty S và Công văn số 3347/UBND-KT của UBND tỉnh B ban hành ngày 06/9/2023, có nội dung đính chính Công văn số 4003. Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đầu tư. Công ty S nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ các công văn nêu trên vào ngày 16/5/2022. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Công ty S, nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành: Bản án sơ thẩm xác định các Công văn số 4003, 3347 được ban hành đúng thẩm quyền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đầu tư năm 2020.

[4.2] Về các quyết định hành chính có liên quan cùng bị khởi kiện:

Xung quanh việc điều chỉnh và chấm dứt hoạt động Dự án của Công ty S có các Công văn số 2950/SKHĐT-HTĐT ngày 03/6/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B, có nội dung không chấp nhận hồ sơ điều chỉnh Dự án; Quyết định số 388/QĐ-SKHĐT ngày 22/9/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B và Công văn số 4003. Công ty S khởi kiện cả 03 văn bản này.

Toà án cấp sơ thẩm thụ lý bằng các thông báo thụ lý sau đây:

- Thông báo thụ lý số 98/2022/TLST-HC ngày 14/10/2022 đối với việc khởi kiện Công văn số 2950;

- Thông báo thụ lý số 99/2022/TLST-HC ngày 14/10/2022 đối với việc khởi kiện Công văn số 4003, được xét xử bằng Bản án sơ thẩm số 94/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 (là bản án đang được xét xử phúc thẩm trong vụ án này);

- Thông báo thụ lý số 274/2023/TLST-HC ngày 02/10/2023 đối với việc khởi kiện Quyết định số 388.

Như vậy các Công văn số 2950, 4003 và 388 đều điều chỉnh, đề cập đến Dự án của Công ty S nên đây là các quyết định hành chính có liên quan mật thiết với nhau, phải cùng được xem xét, giải quyết trong cùng một vụ án. Toà án cấp sơ thẩm không nhập vụ án mà xét xử đối với từng quyết định hành chính bằng một vụ án độc lập là vi phạm thủ tục tố tụng.

[4.3] Về nội dung Công văn 4003:

Tại khoản 2 Điều 3 Quyết định chủ trương đầu tư số 860/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, khoản 3 Điều 42, khoản 1 Điều 43 Luật Đầu tư năm 2020 có quy định tuỳ vào quy mô của từng dự án mà nhà đầu tư phải có trách nhiệm ký quỹ bảo đảm đầu tư bằng một số tiền nhất định.

Tại Công văn số 1877/SKHĐT-HTĐT ngày 19/5/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B đã yêu cầu Công ty S phải ký quỹ bảo đảm đầu tư với số tiền 19.193.008.120 đồng.

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật về đầu tư thì sau khi có quyết định chấp nhận đầu tư thì chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu hồi đất, lập phương án bồi thường, nhà đầu tư tự mình trả tiền bồi thường hoặc ứng tiền cho tổ chức do cấp có thẩm quyền chỉ định (thường là Trung tâm phát triển quỹ đất hoặc Ban quản lý dự án các cấp), giao đất/cho thuê đất và nhà đầu tư tiến hành triển khai xây dựng, thực hiện dự án...Diễn biến thực tế của Dự án cho thấy Công ty S đã bồi thường được 386 ha đất của Công ty TNHH MTV L1 với số tiền 12.230.503.900 đồng.

Tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định:

"7. Trường hợp nhà đầu tư ứng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được duyệt thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp số tiền đã ứng bằng hoặc lớn hơn mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này, nhà đầu tư ***không phải nộp ngay tiền ký quỹ*** *hoặc chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng tại thời điểm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;*

b) Trường hợp số tiền đã ứng thấp hơn mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này, nhà đầu tư phải nộp số tiền ký quỹ hoặc nộp chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng bằng phần chênh lệch giữa số tiền đã ứng với mức bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này".

Căn cứ vào quy trình của triển khai một dự án, diễn biến thực tế của vụ án và điều luật viện dẫn nêu trên thì cần thiết phải điều tra làm rõ số tiền mà Công ty S đã bồi thường cho Công ty TNHH MTV L1 là tiền ứng trước để bồi thường hay tiền của nhà đầu tư tự bỏ ra để bồi thường và có được xem là tiền ứng trước để bồi thường hay không. Trường hợp có căn cứ xác định đây là số tiền mà nhà đầu tư ứng trước thì phải tính toán chính xác số tiền này là thừa hay thiếu, để trả lại hoặc buộc nhà đầu tư phải ký quỹ bảo đảm thêm. UBND tỉnh B và các cơ quan tham mưu chưa làm rõ số tiền này, nhưng Công văn số 4003 xác định Công ty S không nộp tiền ký quỹ đầu tư là chưa có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố

tụng, có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ, dẫn đến việc tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S là chưa có cơ sở vững chắc. Cần huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty S không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính,

[1] Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần S.

Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Trả cho Công ty Cổ phần S 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, theo biên lai thu số 0020590 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa